

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HN
TỈNH BD**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-4-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH BD

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á

2. Ông Nguyễn Hữu Tố

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 259/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Mỹ L, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố CC, phường HH, thị xã HN, tỉnh BD.

2. *Bị đơn:* Anh Trần B, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố Khu phố CC, phường HH, thị xã HN, tỉnh BD.

(Chị L có mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Hồ Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh B tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân HH (nay là phường HH) ngày 19/12/2007. Sau kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình bên chồng được 04 năm rồi mua nhà ở riêng tại khu phố CC, phường HH, thị xã HN, tỉnh BD. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên

nhân là do tính tình không hợp, anh B sống không quan tâm gì đến vợ con, ham chơi cờ bạc phải bán nhà trả nợ. Sau khi bán nhà chị dẫn các con về nhà cha mẹ vợ ở, còn anh B về nhà cha mẹ chồng ở từ tháng 9/2020 cho đến nay và kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm gì đến ai. Vì vợ chồng sống không hạnh phúc, nay chị yêu cầu được ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Đăng K - sinh ngày 12/10/2009 và cháu Trần Ngọc Tú Q - sinh ngày 01/10/2013. Sau ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình tố tụng anh B khai: Vợ chồng tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã HH (nay là phường HH) ngày 19/12/2007. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là do anh ham chơi cờ bạc, thiếu sự quan tâm đến vợ con, anh cũng đã tự nhận thấy sai lầm, anh hứa sẽ sửa chữa để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ về chung sống làm ăn nuôi con. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Đăng K, sinh ngày 12/10/2009 và Trần Ngọc Tú Q, sinh ngày 01/10/2013. Nếu ly hôn anh đồng ý giao cả 02 con cho vợ nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn anh B. Giao cả 02 cháu Trần Đăng K - sinh ngày 12/10/2009, cháu Trần Ngọc Tú Q - sinh ngày 01/10/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện nuôi con của chị L không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh B có địa chỉ tại khu phố CC, phường HH, thị xã HN, tỉnh BD. Do đó Tòa án nhân dân thị xã HN thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

[1] Chị L và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã HH (nay là phường HH) ngày 19/12/2007 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh B ham chơi cờ bạc, thiếu quan tâm đến vợ con, rồi vợ chồng mạnh ai nấy sống không ai quan tâm gì đến ai, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn anh B là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Chị L và anh B có 02 con chung là cháu Trần Đăng K - sinh ngày 12/10/2009 và cháu Trần Ngọc Tú Q - sinh ngày 01/10/2013. Cháu K và cháu Q đều có nguyện vọng được ở với chị L để được chăm sóc và có điều kiện học hành tốt hơn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giải quyết giao cả hai cháu K và Q cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện nuôi con của chị L không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sung vào ngân sách nhà nước là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Mỹ L và anh Trần B được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao cả 02 cháu Trần Đăng K - sinh ngày 12/10/2009 và cháu Trần Ngọc Tú Q - sinh ngày 01/10/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện nuôi con của chị L không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sung vào ngân sách nhà nước. Chị L đã tạm ứng đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0000231 ngày 17/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN, được tính trừ.

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường HH, để Tòa án nhân dân tỉnh BD xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã HN;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vinh